

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2010/QĐ-UBND

*Đông Hà, ngày 23 tháng 3 năm 2010*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2010  
cho các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2009/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 19 về Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2010;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Trị,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu dự toán thu Ngân sách nhà nước năm 2010 cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, như biểu đính kèm quyết định này.

**Điều 2.** Giao Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm thông báo chi tiết, hướng dẫn và kiểm tra các doanh nghiệp thi hành quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2010.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan và Giám đốc các doanh nghiệp tại Điều 1 chịu thi hành quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Nguyễn Đức Cường**

**CHI TIẾT DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2010**  
**KHỐI DOANH NGHIỆP DO CỤC THUẾ QUẢN LÝ THU**  
*(Kèm theo Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND*  
*ngày 23 tháng 3 năm 2010 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Số TT	Đối tượng nộp thuế	Mã số thuế	KH thu năm 2010	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>291.270</b>	
<b>I</b>	<b>DOANH NGHIỆP QUỐC DOANH</b>		<b>188.770</b>	
<b>A</b>	<b>DOANH NGHIỆP NN TRUNG ƯƠNG</b>		<b>147.320</b>	
1	Chi nhánh Ngân hàng Công thương	0100111948-076	500	
2	Công ty Xây dựng 384	3200042203	7.000	
3	Chi nhánh Công ty cổ phần than miền Trung	0400458027-001	150	
4	Điện lực Quảng Trị	0400101394-002	4.000	
5	Chi nhánh Tư vấn đầu tư và xây dựng Quảng Trị	0400349194-006	600	
6	Công ty Bảo hiểm Quảng Trị	0100111761-047	1.700	
7	Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng 5	0101375622-002	100	
8	Công ty Bảo Minh Quảng Trị	0300446973-040	700	
9	Ngân hàng cổ phần Sài Gòn Thương Tín tại Quảng Trị	0301103908-028	750	
10	Công ty Cao su	3200094610	30.000	
11	Trung tâm Giao dịch Điện thoại di động	0100686209-032	150	
12	Công ty cổ phần Xây dựng 78	3200139131	1.000	
13	Công ty Đầu tư cà phê dịch vụ Đường 9	3200040809	1.500	
14	Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh Thạch cao và Trạm nghiền xi măng Quảng Trị	3300101300-004	6.000	
15	Công ty cổ phần Cosevco 9	3200174986	700	
16	Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại Sabeco Bắc Trung Bộ tại Quảng	2900740071-002	700	

	Trị			
17	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	3200041048	42.000	
18	Xí nghiệp Sông Đà 10.4	5900189357-004	3.500	
19	Trung tâm Khoa học SX vùng Bắc Trung Bộ	3200040767	2.500	
20	Trạm tiêu thụ sản phẩm Ajinomoto	3600244645-005	150	
21	Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ Tổng hợp	0400101852-006	150	
22	Chi nhánh Công ty cổ phần Vật liệu Điện và DCKK	0100106634-005	150	
23	Chi nhánh Kinh doanh QT- Tổng Công ty Viễn thông Quân đội	0100109106-048	10.000	
24	Xí nghiệp XD LT tổng hợp Đông Hà	3300350378-023	120	
25	Xí nghiệp XD LT dịch vụ Đường 9	3300350378-026	400	
26	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Trị	3200099986	1.200	
27	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Trị	0100150619-034	1.000	
28	Công ty Thủy điện Quảng Trị	0100100079-067	23.000	
29	Công ty cổ phần Quản lý sửa chữa đường bộ	3200040693	2.000	
30	Viễn thông Quảng Trị	3200092589	4.500	
31	Bru điện Quảng Trị	3200276057	1.100	
<b>B</b>	<b>DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI</b>		<b>2.800</b>	
32	Công ty TNHH Việt Thái	3200133838	300	
33	Chi nhánh Công ty TNHH Việt Thái	3200133838-001	800	
34	Công ty TNHH cao su Camel Việt Nam	3200176581	200	
35	Chi nhánh Công ty TNHH cao su Camel Việt Nam	3200176581-001	500	
36	Chi nhánh Công ty TNHH chăn nuôi cổ phần Việt Nam	3600224423-037	1.000	
<b>C</b>	<b>DOANH NGHIỆP NN ĐỊA PHƯƠNG</b>		<b>38.650</b>	
37	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên môi trường	3200131728	600	
38	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải	3200042330	600	

89	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới thủy bộ Quảng Trị	3200099993	800	
40	Trung tâm- dịch vụ Hội nghị Quảng Trị	3200263442	350	
41	Trung tâm QL bến xe	3200098340	150	
42	Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị	3200041908	2.400	
43	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải	3200042355	200	
44	Trung tâm Điều tra quy hoạch thiết kế nông lâm	3200042387	150	
45	Công ty TNHH 01 TV Đông Trường Sơn	3200040982	7.000	
46	Công ty CTĐT Đông Hà	3200011389	100	
47	Chi cục Thú y	3200042316	250	
48	Công ty khai thác KCTL Quảng Trị	3200198514	300	
49	Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn Đông Hà	3200263192	200	
50	Công ty In phát hành sách thiết bị trường học Quảng Trị	3200135169	500	
51	Trung tâm Y tế dự phòng	3200197126	200	
52	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Trị	3200098397	100	
53	Công ty Thương mại Quảng Trị	3200042556	4.500	
54	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường	3200284964	200	
55	Nhà khách Tỉnh ủy	3200041217	150	
56	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá	3200197574	100	
57	Lâm trường Đường 9	3200042348	100	
58	Đài Truyền hình Quảng Trị	3200042595	1.000	
59	Báo Quảng Trị	3200105125	100	
60	Chi nhánh Công ty XDGT Thừa Thiên Huế	3300101011-001	1.000	
61	Nhà máy Tinh bột sắn Hải Lăng	0400101588-016	3.500	
62	Công ty cổ phần Tân Hưng	3200042161	600	
63	Công ty Xổ số kiến thiết Quảng Trị	3200040936	13.500	
<b>II</b>	<b>DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH</b>		<b>102.500</b>	

<b>A</b>	<b>CÔNG TY TNHH</b>		<b>33.700</b>	
64	Công ty TNHH An Hà	3200142173	150	
65	Công ty cổ phần Thành An	3200114289	1.400	
66	Công ty TNHH Hiệp Lực	3200148626	700	
67	Công ty TNHH Hoàng Yên	3200165533	100	
68	Công ty TNHH Phương Nam	3200200001	150	
69	Công ty TNHH Thiên Bình	3200184984	150	
70	Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị	3200180940	5.000	
71	Công ty TNHH Xây dựng Thái Sơn	3200126608	300	
72	CN Công ty TNHH Phùng Thịnh	3200262311-001	100	
73	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Lê Dũng	3200193273	350	
74	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Tâm	3200056929	300	
75	Công ty TNHH Huy Hoàng	3200131358	650	
76	Công ty TNHH Thuận Tiến	3200136405	150	
77	Công ty TNHH một thành viên Hiếu Giang	3200284971	850	
78	Công ty TNHH Du lịch Công đoàn Quảng Trị	3200041094	500	
79	Công ty TNHH Nông, lâm, ngư cơ Trung Sơn	3200140539	500	
80	Công ty TNHH Trường Thịnh	3200149267	600	
81	Công ty TNHH Yên Loan	3200037884	600	
82	Công ty TNHH Nhật Tín	3200114754	100	
83	Công ty TNHH Thanh Niên	3200114828	300	
84	Công ty TNHH Đồng Tiến	3200133806	150	
85	Công ty TNHH Thanh Trường	3200177426	500	
86	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn Quảng Trị	3200146379	700	
87	Công ty TNHH Đông Giang	3200115405	250	
88	Công ty TNHH Phương Đông	3200127619	100	
89	Công ty TNHH Phụng Hoàng	3200150061	150	
90	Công ty TNHH Duy Tâm	3200228222	300	
91	Công ty TNHH Thái Thắng	3200191854	500	
92	Công ty TNHH Minh Hưng	3200100303	2.000	

93	Công ty TNHH Hợp Lực	3200133789	150	
94	Công ty TNHH thương mại- dịch vụ Hòa Lân	3200239898	150	
95	Công ty TNHH Xây dựng Quảng Trị	3200131397	300	
96	Công ty TNHH Xây dựng Số 1	3200011420	1.500	
97	Công ty TNHH Xây dựng Sông Hiền	3200133411	300	
98	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh	3200271517	100	
99	Công ty TNHH Sang Yên	3200256357	100	
100	Công ty TNHH một thành viên Hoàn Sơn	3200258851	100	
101	Công ty TNHH Phương Thảo	3200234057	1.000	
102	Công ty TNHH Vĩnh Tiến	3200179984	200	
103	Công ty TNHH một thành viên Anh Thái	3200305163	100	
104	Công ty TNHH Thăng Bình	3200178331	200	
105	Công ty TNHH Tâm Thơ	3200146587	700	
106	Công ty TNHH Minh Anh	3200193121	150	
107	Công ty TNHH Thành Hưng	3200108729	100	
108	Công ty TNHH một thành viên nội thất Furnitmax	3200290252	150	
109	Công ty TNHH một thành viên TMDV Đông Tây	3200263509	1.000	
110	Công ty TNHH Phương Quang	3200144678	100	
111	Công ty TNHH Trung Dũng	3200144646	150	
112	Công ty TNHH Tiến Lợi	3200133764	300	
113	Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Tiến	3200142166	1.100	
114	Công ty TNHH Phong Phú	3200139036	150	
115	Công ty TNHH Quốc Dung	3200150128	500	
116	Công ty TNHH Xây dựng Hương Linh	3200112468	400	
117	Công ty TNHH Việt Tân	3200224884	250	
118	Công ty TNHH Tâm Tâm	3200271348	900	
119	Công ty TNHH Bình Dương	3200133203	100	
120	Công ty TNHH Thanh Tâm	3200141500	500	
121	Công ty TNHH Thạc Thành	3200100487	600	

122	Công ty TNHH Kim Sơn	3200150858	2.000	
123	Công ty TNHH Kim Nguyên	3200010635	300	
124	Công ty TNHH một thành viên nhà máy gạch Minh Hưng	3200271242	800	
125	Công ty TNHH Thương mại số 1	3200102050	800	
126	Công ty TNHH Tiến Hưng	3200136684	300	
127	Công ty TNHH Phú Hòa	3200192939	150	
128	Công ty TNHH Đăng Thảo	3200013185	400	
<b>B</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN</b>		<b>68.150</b>	
129	Công ty cổ phần Xây lắp điện VNE CO5	32001180323	1.800	
130	Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1	3200115109	13.000	
131	Công ty cổ phần Thiên Tân	3200193178	2.500	
132	Công ty cổ phần PTVT Bắc miền Trung	3200233751	1.000	
133	Công ty cổ phần KD DV TH Vinaship	3200268338	150	
134	Công ty cổ phần dịch vụ Vận tải ô tô Quảng Trị	3200144029	150	
135	Công ty cổ phần NS Tân Lâm	3200193146	1.500	
136	Công ty cổ phần thương mại Hiền Lương	3200163310	250	
137	Công ty cổ phần Tư vấn Miền trung	3200282036	300	
138	Công ty cổ phần Số 6	3200197101	2.500	
139	Công ty cổ phần Xây lắp điện Quảng Trị	3200011396	500	
140	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cơ sở hạ tầng Quảng Trị	3200193139	2.300	
141	Công ty cổ phần Xây dựng tổng hợp Quảng Trị	3200178437	1.400	
142	Công ty cổ phần Ý Anh	3200178370	2.000	
143	Công ty cổ phần Gỗ MDF- GERUCO Quảng Trị	3200228141	8.000	
144	Xí nghiệp Kinh doanh chế biến LÐS Đông Hà	3200040911-003	300	
145	Xí nghiệp may Lao Bảo	3200042524-004	500	

146	Công ty cổ phần Bình Điền Quảng Trị	3200269109	2.000	
147	Công ty cổ phần xây dựng GT Nam Hiếu	3200042186	500	
148	Công ty cổ phần Thành Quả	3200144607	750	
149	Công ty cổ phần Du lịch Quảng Trị	3200152132	600	
150	Công ty cổ phần DL DV Quảng Trị	3200041739	700	
151	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Quảng Trị	3200042637	450	
152	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Hùng Cường	3200011205	800	
153	Công ty cổ phần XD Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Trị	3200042404	600	
154	Công ty cổ phần Thượng Hải	3200011445	150	
155	Công ty cổ phần TVXD T&T	3200225486	300	
156	Công ty cổ phần Bốn Phương	3200134983	1.700	
157	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Trị	3200042517	150	
158	Công ty cổ phần Ô tô số 1	3200142328	250	
159	Công ty cổ phần Dòng Hiền	3200114867	400	
160	Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Trị	3200042669	2.500	
161	Công ty cổ phần Gạch ngói Quảng Trị	3200041376	3.000	
162	Công ty cổ phần TVĐT và XD Quảng Trị	3200042429	800	
163	Công ty cổ phần An Thanh	3200193474	300	
164	Công ty cổ phần TV và KĐCT JMC	3200193971	300	
165	Công ty cổ phần TV Công nghiệp điện Quảng Trị	3200042651	700	
166	Công ty cổ phần Vận tải Việt Lào	3200225447	200	
167	Công ty cổ phần Vinafor Quảng Trị	3200040911	1.700	
168	Công ty cổ phần XDGT Quảng Trị	3200042147	900	
169	Công ty cổ phần TVGT và XD Quảng Trị	3200042154	900	
170	Công ty cổ phần Thái Bảo	3200222580	300	

171	Công ty cổ phần KT hạ tầng năng lượng 711	3200256188	150	
172	Công ty cổ phần Vật tư kỹ thuật NN Quảng Trị	3200179127	800	
173	Công ty cổ phần Cao su Trường Sơn	3200269500	450	
174	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quảng Trị	3200042531	400	
175	Công ty cổ phần Duy Nguyên	3200264076	150	
176	Công ty cổ phần Gốm Quảng Trị	3200222816	1.500	
177	Chi nhánh Công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ	0400101556-008	800	
178	Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Phú	3200258812	200	
179	Công ty cổ phần An Phú	3200011332	1.000	
180	Công ty cổ phần NLS Quảng Trị	3200192657	500	
181	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Quảng Trị	3200042041	1.600	
182	Công ty cổ phần Việt Trung	3200283576	1.500	
<b>C</b>	<b>KINH TẾ TƯ NHÂN</b>		<b>650</b>	
183	DNTN Hiệp Thu	3200132425	300	
184	DNTN Phúc Hồng	3200037806	100	
185	DNTN Khánh Quỳnh	3200261300	100	
186	DNTN Hiệp Lợi	3200010723	150	